

HỒ CHÍ MINH VỚI PHẬT GIÁO

LÊ HỮU TUẤN*

Cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương trong sáng tuyệt vời về sự phấn đấu cho những lí tưởng đạo đức cao đẹp nhất của con người. Từ những lời giáo huấn cũng như từ bản thân cuộc sống của Người luôn toả sáng những tư tưởng của nền đạo đức cao đẹp. Những giá trị đạo đức cao đẹp được thể hiện như là sự kết tinh của những giá trị tinh túy nhất của nền đạo đức truyền thống dân tộc. Đúng như Hoà thượng Kim Cương Tử trong lời khai mạc Hội thảo khoa học: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo* (1990) khẳng định: “Hồ Chí Minh - tinh hoa của dân tộc, Người là kết tinh mọi truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam, trong đó có truyền thống Phật giáo”⁽¹⁾. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến một số nét trong những phẩm chất đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh chứa đựng những triết lí của đạo Phật.

Thứ nhất, lòng khoan ái, khoan dung của Hồ Chí Minh với hạnh từ bi của đạo Phật

Trong đạo Phật, lòng từ bi là lòng ao ước sao cho tất cả mọi người không phải gánh chịu những đau khổ. Bước đầu tiên để có tấm lòng từ bi, chúng ta phải thấu hiểu được mọi mức độ đau khổ của con người. Một khi có sự thông hiểu sâu sắc về đau khổ của con người, chúng ta mới có khả năng phát sinh lòng từ bi

chân thành đối với mọi người. Hiểu rõ bản chất của đau khổ, chúng ta tự nhiên phát sinh lòng từ và lúc đó sẽ cống hiến hết mình cho việc giải thoát mọi người khỏi những đau khổ mà họ phải gánh chịu trong cuộc sống này.

Từ thuở thiếu thời, những lời dạy thấm đượm màu sắc đạo Phật của cụ thân sinh đã thấm vào tâm hồn Hồ Chí Minh:

“Nhân sinh nhược đại mộng

Thế sự như phù vân

Uy thế bất úc thị

Xảo hiểm đô tự hại

Giới chí! Giới chí!”

Tạm dịch:

“Đời người như giấc mộng lớn

Việc đời tựa như đám mây trôi

Uy thế không đủ để dựa

Xảo hiểm là tự hại mình

Rắn đấy! Rắn đấy!”⁽²⁾

Từ những lời giáo huấn của người cha, của gia đình, Hồ Chí Minh đã bước chân ra đi để nhập cuộc (hay nhập thế) nhằm khẳng định tâm, “bi” của mình. Bởi “bi” là thương xót cho những chúng sinh khổ nạn dẫn thân vào cuộc hành trình tìm chân lí “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”.

*. TS., Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

1. *Phật luật học*. Nxb. Tôn giáo. Hà Nội 2001, tr.310.

2. Thơ khắc trên bia gỗ, hiện còn ở nhà thờ họ Nguyễn Sinh - Nam Đàn, Nghệ An.

Trên những chặng đường muôn dặm để tìm chân lí đích thực (con đường giải phóng dân tộc), Người đã được nghe, được học trực tiếp hoặc gián tiếp ở các bậc chân sư về đức tính vô ngã vị tha, về sự cao diệu của tâm từ. Giáo lí của đạo Phật đã giúp Người hoàn toàn thể nhập được Tự do - Bình đẳng - Bác ái để rồi trở thành triết lí nhân sinh của đạo Phật (không có đẳng cấp trong dòng máu đỏ, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn, tình thương là sợi dây nối liền người với người. Mỗi người sinh ra không ai mang sẵn từ bào thai sợi dây chuyền ở cổ hay “vết tì ca” trên trán). Đức Phật đã đưa người Balixá (Chiêm đà la) hay (Thủ đà la), tức Paria, là lớp người bị khinh rẻ, bị dày đoạ, suốt đời làm tôi tớ vào ngôi ngang hàng với các bậc vương giả. Chính chân lí của đạo Phật có thể giúp Người vượt qua khỏi tự ngã, không chỉ là tình thương cho dân tộc mà trải rộng tình thương cho toàn nhân loại.

Lòng từ bi của đạo Phật đã thấm đượm và toả sáng trong hành động và lời nói của Hồ Chí Minh: “Suốt đời tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn đến tột bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”.

Lòng từ bi còn thấm đượm và toả sáng trên từng trang viết của Người. Trong bức thư kêu gọi đồng bào toàn quốc cứu đói năm 1945, Người viết:

“Hỡi đồng bào yêu quý!

Từ tháng giêng đến tháng bảy năm nay, ở Bắc Bộ ta có hai triệu người chết đói. Kế đó lại bị nước lụt, nạn đói càng tăng thêm, nhân dân ta càng khốn khổ. Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ

đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước và tôi xin thực hành trước: cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo. Như vậy thì những người nghèo sẽ có bữa rau, bữa cháo để chờ mùa lúa năm sau, khỏi đến nỗi chết đói.

Tôi xin thay mặt dân nghèo mà cảm ơn các đồng bào”⁽³⁾.

Những lời cứu khổ, cứu nạn là của nhà Phật nay được nghe thấy từ tấm lòng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tâm từ bi của Người thương cảm đến những con người nghèo khổ. “Trong đêm đông gió lạnh nghe tiếng rao bánh của một cháu bé ngoài đường, Người xót xa mở cửa để nhìn theo cho đến lúc cháu bé khuất bóng mới khép cửa lại, nước mắt đọng đầy trong khoé mắt của Người”⁽⁴⁾.

Lòng từ bi trong đạo Phật phải là “vô điều kiện” không phân biệt người được yêu thương là ai. Khi đi thăm trại tù binh ở Thất Khê, “Người đã cởi áo choàng ngoài để cho một đại úy thày thuốc người Pháp vì trời quá lạnh. Người chỉ còn mặc một chiếc áo sơ mi mỏng. Viên đại úy tù binh Pháp đã ôm lấy Người và khóc nức nở rất lâu”⁽⁵⁾. Hằng năm, vào dịp Lễ Tạ ơn nước Mỹ cuối tháng 11, Hồ Chí Minh chỉ thị cho các cán bộ quản giáo trại giam phải làm món gà Tây cổ truyền đặc biệt cho các tù binh Mỹ.

Mọi lời nói, mọi việc làm của Hồ Chí Minh đều thấm nhuần tinh thần của

3. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 4. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1995, tr. 31.

4. Nguyễn Minh Lan. *Bảo vệ Bác Hồ*, Nxb. Nghệ Tĩnh 1990, tr. 42.

5. *Theo Bác đi chiến dịch*, Nxb. Sự thật. Hà Nội 1987, tr. 110.

Kinh Pháp Cú: “Là người lãnh đạo thế gian, biết làm việc chân chính, không thiên vị, biết tu dưỡng tâm hồn, thắng vượt mọi điều xấu, đó là pháp vương, thấy ai làm đúng thường giúp đỡ, làm lợi ích cho mọi người bằng nhân ái, có quyền lợi thì chia đều, do đó quần chúng đều kính mến”⁽⁶⁾. Tâm từ bi của Người đã được nhà thơ Tố Hữu khái quát:

“Bác ơi tìm Bác mệnh mông thế

Ôm cả non sông mọi kiếp người”.

Tâm từ bi của Người đã có thể xoá bỏ hận thù, hướng con người đến đỉnh cao của tự do hạnh phúc. Đó chính là một nét nhân cách của Người, một người tiêu biểu nhất cho nhân cách làm người Việt Nam mà dân tộc Việt Nam đã trải qua mấy nghìn năm lịch sử vẫn đời đời vun đắp và truyền dạy cho nhau.

Thứ hai, Hồ Chí Minh với hạnh Vô ngã của đạo Phật

Vô ngã trong đạo Phật có nghĩa là mỗi hiện tượng tùy thuộc vào nhiều hiện tượng khác, không một hiện tượng nào có một tự thể riêng biệt và độc lập với tất cả những hiện tượng khác. Các hiện tượng đều do nhân duyên mà sinh khởi “cái này có nên có cái kia”. Vì thế mà không có cái ta độc lập. Trong kinh Phật dạy: “Ta và chúng sinh đồng một thể tính: đó là Phật tính. Chúng sinh còn mê muội chấp trước phân biệt nên mới có ta - người, thiện - ác, Phật - chúng sinh. Nên khi không còn tâm phân biệt nữa thì ta - người, thiện - ác, Phật - chúng sinh trở về đồng thể tính “Phật tính”, mà khi trở về với Phật tính (Bản lai) thì ta là Phật, người cũng là Phật, thì làm gì con ai hỏi đạo nữa”.

Mọi sự vật trong vũ trụ cũng như trong bản thân con người là vì sinh diệt vô thường, và do nhiều nhân duyên hợp thành, nên đủ duyên thì hợp mà hết duyên thì tan.

Thấm nhuần triết lí Vô ngã của đạo Phật, các vua đời Lý- Trần đều lấy “ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình”.

Ở Hồ Chí Minh, chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù nguy hiểm nhất, “kẻ thù hung ác nhất” của chủ nghĩa tập thể. Người yêu cầu phải thường xuyên, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân có thể làm hủ bại con người, phá hoại mọi quan hệ đạo đức tốt đẹp. Người chỉ rõ: “Muốn đánh thắng kẻ thù, muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì trước hết phải chiến thắng kẻ thù bên trong mỗi chúng ta là “chủ nghĩa cá nhân”.

Chủ nghĩa cá nhân nhấn mạnh cái tự ngã, cái ta chính là nguyên nhân căn bản sinh ra các thói hư, tật xấu như: tham ô, hủ hoá, kiêu ngạo, kèn cựa địa vị, mất đoàn kết, v.v... Do đó, chủ nghĩa cá nhân hạ thấp con người, xô đẩy con người vào ngõ cụt.

Trong tác phẩm *Đạo đức cách mạng*, Người đã phê phán nghiêm khắc chủ nghĩa cá nhân. Người vạch rõ: “Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội” ... và “thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân”.

Khi bàn về đạo đức của người cán bộ, Người yêu cầu cán bộ đảng viên phải chí công vô tư. Chí công vô tư là hoàn toàn vì dân, vì nước không vì cá nhân mình.

6. *Đại Tạng kinh*, T4 tr. 30.

Trong bài viết cuối cùng trước khi qua đời, Người đã cảnh tỉnh toàn thể đảng viên chớ phạm vào tội quan liêu và cá nhân chủ nghĩa. Người chủ trương “lấy tấm lòng của nhân dân làm tấm lòng của mình”. ở cương vị lãnh đạo cao nhất, Người tuyệt đối không có mưu cầu riêng tư. Người sống thật giản dị với bộ áo nâu, chiếc mũ cát, vai đeo túi vải nâu, chân đi dép cao su, đâu khác gì bậc chân tu.

Trong lần trả lời phỏng vấn các nhà báo về ước muốn của mình, Hồ Chí Minh đã nói: “Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh, phú quý chút nào... riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ... sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, trẻ em chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi”⁽⁷⁾.

Có thể nói, cả cuộc đời Hồ Chí Minh luôn sống vì mọi người. Sự thể nhập quần chúng của Người chính là Vô ngã.

Chính lòng từ bi, bao dung, đức tính vô ngã vị tha ấy đã tự xây lên bức phù đồ - chân dung Hồ Chí Minh để mãi mãi sau này chúng sinh học cái đức tính vô ngã vị tha của những vĩ nhân bất tử.

Thứ ba, Hồ Chí Minh với hạnh tinh tấn của đạo Phật

Với đạo Phật, tinh tấn là một yếu tố quan trọng trong việc tu tập. “Liên tục và kiên trì nỗ lực” là di huấn tối hậu của Đức Phật. Không có sự giải thoát nào, không có sự thanh lọc nào có thể thực hiện được nếu không có cố gắng của cá nhân. Sự cố gắng của cá nhân là yếu tố tối cần để thành tựu mục tiêu.

Suốt cuộc đời của Người đã không ngừng rèn luyện, tu dưỡng để thành tựu mục tiêu cứu nước, cứu dân. Thật kì diệu cuộc đời của một con người đã có

được nghị lực, ý chí phi thường vượt qua mọi khó khăn, thử thách để tìm thấy được con đường cứu nước cho dân tộc.

Ngay cả khi trở thành vị chủ tịch nước, Người vẫn không ngừng tu dưỡng, rèn luyện. Kiên trì và nỗ lực không phải chỉ để cho mình, mà Người phấn đấu để thấu tóm cái tinh túy của tri thức nhân loại, để hoàn thiện về nhân cách để cứu nước cứu dân. Với Hồ Chí Minh, học tập rèn luyện để hành động, để làm cách mạng, để đấu tranh giải phóng dân tộc, để sáng tạo, xây dựng một chế độ công bằng bác ái.

Có thể nói hạnh tinh tấn trong Hồ Chí Minh như một chất liệu làm nên nhân cách Hồ Chí Minh, một con người vĩ đại.

Thứ tư, tinh thần “Lục hoà” trong tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh

Theo đạo Phật, Lục hoà nghĩa là mọi người phải sống hoà thuận, cùng nhau thống nhất việc làm, cùng nhau thọ dụng, không được chiếm làm của riêng.

Thấm nhuần tinh thần “Lục hoà” trong đạo Phật, Hồ Chí Minh đã khẳng định muốn đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, không có con đường nào khác là phải đoàn kết nhau lại. Trong nhận thức và hành động của Hồ Chí Minh đều nhất quán tư tưởng:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”

Có thể nói, Hồ Chí Minh trở thành trung tâm của toàn dân tộc. Chiến lược đại đoàn kết của Hồ Chí Minh đã có sức tập hợp, cổ vũ lớn lao đối với quần

7. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 4. Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội 1995, tr. 161.

chúng để tạo thành một sức mạnh vĩ đại, giúp dân tộc ta vượt qua bao gian lao, thử thách, tiến lên.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, với tinh thần Lạc hoà, Người đã tập hợp được đồng bào, đồng chí, phát huy được sức mạnh của tập thể tạo nên một tổ chức thống nhất, dân tộc luôn có một sức mạnh của một khối đoàn kết nhất trí.

Thứ năm, Hồ Chí Minh với triết lí Thiên trong đạo Phật

Thiên trong đạo Phật nghĩa là khả năng thu nhiếp những tinh thần phân tán hỗn loạn để thấy các tự tính của mình, hiểu rõ đạo lí.

Thiên là một sự rèn luyện, một nghệ thuật sống giúp ta chuyển hoá những đau khổ của cuộc sống để đạt được an lạc hạnh phúc.

Dẫu rằng Thiên chỉ là nét thoáng qua trong cuộc đời Hồ Chí Minh, một con người phấn đấu không mệt mỏi cho lí tưởng cứu dân, cứu nước, một cuộc đời đầy áp những hi sinh, những cống hiến. Song, cái nét thoáng qua đó lại là những nét ngưng đọng, tạo thành chiều sâu và tầm cao tư tưởng của một nhà hiền triết Phương Đông.

Màu sắc Thiên được thể hiện ở Hồ Chí Minh trong đời sống của Người. Những lúc gặp khó khăn lại là những khoảng thời gian đặc biệt giúp Hồ Chí Minh lắng đọng các triết lí nhân sinh, chiêm nghiệm lẽ đời, hướng tâm ngộ cảnh giới chân lí. Sự rung động của một tâm hồn lớn, sự kết tụ tinh túy của một trí thức lớn, sự kết hợp tâm tư tưởng của một nhà cách mạng với sự thông tuệ của một bậc hiền triết Phương Đông đã tạo ra một màu sắc, hương vị đặc biệt - màu sắc hương vị Thiên.

Đặc biệt, trong những ngày tháng bị giam cầm ở nhà tù của chính quyền Tưởng Giới Thạch, giữa tận cùng nỗi khổ đau, tâm hồn và tư tưởng Hồ Chí Minh dường như vỡ cánh bay cao đến vùng trời siêu thoát, thâm nhập vào lẽ mầu nhiệm của kiếp sống. Đối đầu với thực tại khắc nghiệt, với cay đắng, khổ cực của cảnh tù, Hồ Chí Minh đã nhận chân được cái chân lí trong cái vô thường của sự biến đổi, giống như quan niệm của Phật giáo: “Phiền não tức Bồ đề”:

“Ví không có cảnh đông tàn

Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân”

Đó là một sự thật: sự thật có sinh ắt có diệt và diệt rồi để tái sinh. Nắm được quy luật của đời sống, Hồ Chí Minh có tinh thần lạc quan, tràn đầy niềm tin tưởng vào tương lai.

Cảnh tù với xiềng xích, đói rét, bệnh tật là một thực tế đau khổ, tác động từng giây, từng phút đến người bị giam cầm. Hồ Chí Minh chấp nhận thực tại khắc nghiệt đó và tìm kiếm trong thử thách khắc nghiệt ấy những ý nghĩa tích cực:

“Gạo đem vào giã bao đau đớn

Gạo giã xong rồi trắng tựa bông”

Có phiền não tức mới có bồ đề, một triết lí sống của Hồ Chí Minh:

“Sống ở trên đời người cũng vậy

Gian nan rèn luyện ắt thành công”

Trong đạo Phật, việc tu hành ví như kẻ lau gương để tự soi mình, phải vất vả kì công lau bụi bặm cho đến khi gương trắng sáng không còn vết bụi, ấy là lúc người soi gương trở về “bản lai diện mục - tức Phật tính”. Trong triết lí của Hồ

Chí Minh, người cách mạng càng thử thách gian nan, càng trải qua rèn luyện, càng trở nên vững vàng giống như hạt gạo già xong rồi trắng tựa bông.

Hãy chấp nhận những nghịch lí trong cuộc hành trình, những vấn đề dẫu khó khăn mấy cũng sẽ được vượt thoát. Trong cái ngục tù ấy, Hồ Chí Minh đã trực nhận được bầu trời bát ngát vô biên của tâm thức để cảm nhận được phần nào hương vị của cái gọi là giải thoát:

“Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao”

Chỉ có trong trạng thái thiên định hoặc trong những khoảnh khắc sống trọn vẹn trong thực tại, Hồ Chí Minh mới siêu vượt lên cái ngục tù để sở đắc cái trạng thái sáng láng tròn đầy của cái tĩnh lặng tự do:

“Mây mưa mây tạnh bay đi hết

Còn lại trong tù khách tự do”

Thiên định siêu thoát và tinh thần tự do đã làm nồng đượm cảm hứng thi ca của Hồ Chí Minh:

“Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng

Bóng tối đêm tàn quét sạch không

Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ

Người đi thi hứng bỗng thêm nồng”

Ở đây, thi hứng của Hồ Chí Minh là cảm hứng nội tâm đạt tới đỉnh cao sự giác ngộ trong một “Sát na” để tăng thêm cái giác ngộ vĩnh hằng. Những thi hứng đó như thoát ra khỏi vòng kiềm

tỏa nhỏ hẹp của thế gian, của bản ngã để bay bổng và hoà nhập vào thế giới tự nhiên siêu việt.

Trong tâm thức Hồ Chí Minh, thiên nhiên thật phóng khoáng và hồn hậu:

“Hai mươi tư tháng sáu

Lên ngọn núi này chơi

Ngẩng đầu: mặt trời đỏ

Bên suối, một nhành mai”

Tâm hồn với thiên nhiên, đất trời hoà làm một, một triết lí vi diệu phảng phất hương vị Thiên, tương tự bài thơ “chăn trâu” của Thiên Tông vậy.

Con người của Hồ Chí Minh thật thanh thoát, không còn vướng víu lợi danh và vòng tục lụy, sẽ như chòm mây thanh thản trôi nhẹ giữa tầng không siêu thoát:

“Chim mới về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không”

*

* *

Soi trong cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh có thể dễ dàng nhận thấy triết lí của đạo Phật là một phần nhân cách của Người. Trong kho tàng di sản của Người ta thấy những yếu tố của triết lí Phật giáo đã góp phần làm nên cái độc đáo và kì diệu của nhân cách Hồ Chí Minh và chính điều này đã làm cho đạo đức của Người trở thành giá trị vĩnh hằng trong di sản tinh thần của dân tộc và nhân loại./.